

Số: 1478/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí trung ương hỗ trợ khắc phục
hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân năm 2013-2014**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 19/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2013-2014;

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch hỗ trợ kinh phí nạo vét Đông Xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2013-2014 tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của liên ngành Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 278/TTLN-TC-NN ngày 13/8/2014 về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân năm 2013-2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 20.900.000.000đ (Hai mươi tỷ, chín trăm triệu đồng) nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân năm 2013-2014 như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

TT	ĐƠN VỊ	Kinh phí
I	Các huyện, thành phố:	
1	Kinh phí nạo vét Đông Xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải (UBND các huyện, thành phố đã trình hồ sơ quyết toán với Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT)	9.870.344.800
1.1	Huyện Văn Lâm	690.900.000
1.2	Huyện Mỹ Hào	241.231.500
1.3	Huyện Văn Giang	592.650.000
1.4	Huyện Khoái Châu	1.210.895.500
-	Nạo vét Đông Xuân	1.154.020.500
-	Đắp đê Bắc Hưng Hải	56.875.000
1.5	Huyện Yên Mỹ	560.190.000

Điều 2. - Sở Tài chính căn cứ quy định hiện hành của nhà nước và Điều 1 Quyết định này kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng kinh phí của từng đơn vị;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ quy định hiện hành của nhà nước và Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện theo đúng tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các Công ty TNHH Một thành viên: Khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước thành phố Hưng Yên và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Nguyễn*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT; TH^K.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Xuân Thơi

TT	ĐƠN VỊ	Kinh Phí
1.6	Huyện Ân Thi	1.893.776.000
-	<i>Nạo vét Đông Xuân</i>	<i>1.799.151.000</i>
-	<i>Đắp đê Bắc Hưng Hải</i>	<i>94.625.000</i>
1.7	Huyện Kim Động	1.861.331.800
-	<i>Nạo vét Đông Xuân</i>	<i>1.560.106.800</i>
-	<i>Đắp đê Bắc Hưng Hải</i>	<i>301.225.000</i>
1.8	Huyện Tiên Lữ	1.200.000.000
1.9	Huyện Phù Cù	1.027.500.000
1.10	TP Hưng Yên	591.870.000
2	Kinh phí nạo vét cục bộ (UBND huyện làm chủ đầu tư)	2.250.000.000
2.1	Nạo vét kênh T125 từ Giai Lệ đi sông Tân An và kênh T127B từ khu vực thôn Phí Xá đi sông Tân An - Lệ Xá (Tiên Lữ)	1.000.000.000
2.2	Sửa chữa nạo vét 350m kênh tưới TB Lã Xá, Cẩm Ninh (Ân Thi)	400.000.000
2.3	Nạo vét 07 cống qua đường sắt và đường 5 (Văn Lâm)	450.000.000
2.4	Sửa chữa nạo vét kênh tưới TB Cầu Sơn đến hết sân vận động TT Vương (Tiên Lữ)	400.000.000
II	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên (KP nạo vét cục bộ và tiền điện phục vụ chống hạn)	8.173.170.200
1	Hỗ trợ tiền điện	2.000.000.000
2	Nạo vét cục bộ sông Bán Lễ, Phượng Tường (Tiên Lữ) (tiếp)	1.000.000.000
3	Nạo vét sông Quyết Thắng (Phù Cù) (tiếp)	600.000.000
4	Nạo vét cục bộ 1 số đoạn sông Quảng Lăng (Ân Thi)	500.000.000
5	Nạo vét kênh T2, hệ thống tiêu TB chợ Thi	1.000.000.000
6	Nạo vét cục bộ Sông Tân Hưng (Kim Động)	1.200.000.000
7	Nạo vét kênh Đông TB Văn Giang	781.170.200
8	Nạo vét kênh dẫn, bể hút TB Minh Tân (Phù cù)	300.000.000
9	Nạo vét đoạn đầu sông Quân Đoàn (Phù Cù)	792.000.000
III	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước TP (Kinh phí nạo vét cục bộ và tiền điện phục vụ chống hạn)	606.485.000
1	Hỗ trợ tiền điện	100.000.000
2	Nạo vét sông Đông Lỗ - Tính Linh từ K1+800 đến K2+485	316.508.000
3	Nạo vét bể hút trạm bơm Đào Đặng	41.129.000
4	Áp trục kênh chính TB Đào Đặng từ K0+75 đến K0+255	47.799.000
5	Nạo vét khai thông dòng chảy tuyến sông Cửa Gàn- Cống Vân	78.958.000
6	Cải tạo, nạo vét khai thông tuyến kênh N1 và N2 TB Cống Vân	22.091.000
	TỔNG CỘNG	20.900.000.000